

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Thế mạnh chủ yếu để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là

- A. nhiều hệ thống sông và hồ lớn. B. diện tích đất ba-dan rộng khắp.
C. khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm. D. địa hình tương đối bằng phẳng.

Câu 2: Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là

- A. Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia. C. Lào. D. Thái Lan.

Câu 3: Vùng Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nên có giá trị chủ yếu về

- A. chăn nuôi gia súc, cung cấp phù sa, nghề cá. B. giao thông vận tải, thủy lợi, cung cấp phù sa.
C. phát triển thủy điện, bồi đắp phù sa, thủy lợi. D. trồng cây lâu năm, nhiệt điện, chăn nuôi lợn.

Câu 4: Dân số nước ta hiện nay

- A. cơ cấu ít thay đổi, phân bố rất hợp lí. B. đang tăng, cơ cấu theo tuổi thay đổi.
C. tăng nhanh, có ít thành phần dân tộc. D. phân bố rất đồng đều, quy mô còn ít.

Câu 5: Đặc điểm đô thị hoá nước ta hiện nay là

- A. lối sống đô thị ngày càng ít phổ biến. B. tỉ lệ dân số thành thị ngày càng tăng.
C. số dân đô thị cao và ít có sự thay đổi. D. không gian đô thị không có mở rộng.

Câu 6: Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay là

- A. cà phê. B. đậu tương. C. lạc. D. mía.

Câu 7: Thuận lợi để xây dựng cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu. B. bờ biển dài, nhiều đảo lớn gần bờ.
C. độ mặn nước biển cao, có các đảo. D. có quần đảo và nhiều bãi biển đẹp.

Câu 8: Du lịch đô thị là sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 9: Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. có vùng đồi thấp rộng, đất phù sa cổ. B. giống cây tốt, nguồn nước mặt nhiều.
C. đất fe-ra-lit, khí hậu mùa đông lạnh. D. nhiều đất fe-ra-lit và các cao nguyên.

Câu 10: Nhà máy nhiệt điện của nước ta hiện nay là

- 2 A. Sơn La. B. Hoà Bình. C. Lai Châu. D. Phú Mỹ.

Câu 11: Quá trình xói mòn đất ở nước ta thường xảy ra ở

- A. ven biển. B. đồng bằng. C. cửa sông. D. miền núi.

Câu 12: Cảng hàng không quốc tế hiện nay ở nước ta là

- A. Pleiku. B. Chu Lai. C. Phù Cát. D. Nội Bài.

Câu 13: Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo điều kiện đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

- A. Từ tây sang đông có đồi núi, đồng bằng, biển đảo liền nhau.
B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa.
C. Khu vực đồi núi rộng ở phía tây với đất fe-ra-lit khá màu mỡ.
D. Đất fe-ra-lit phân bố rộng, nguồn lợi sinh vật biển phong phú.

Câu 14: Nhận định nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta?

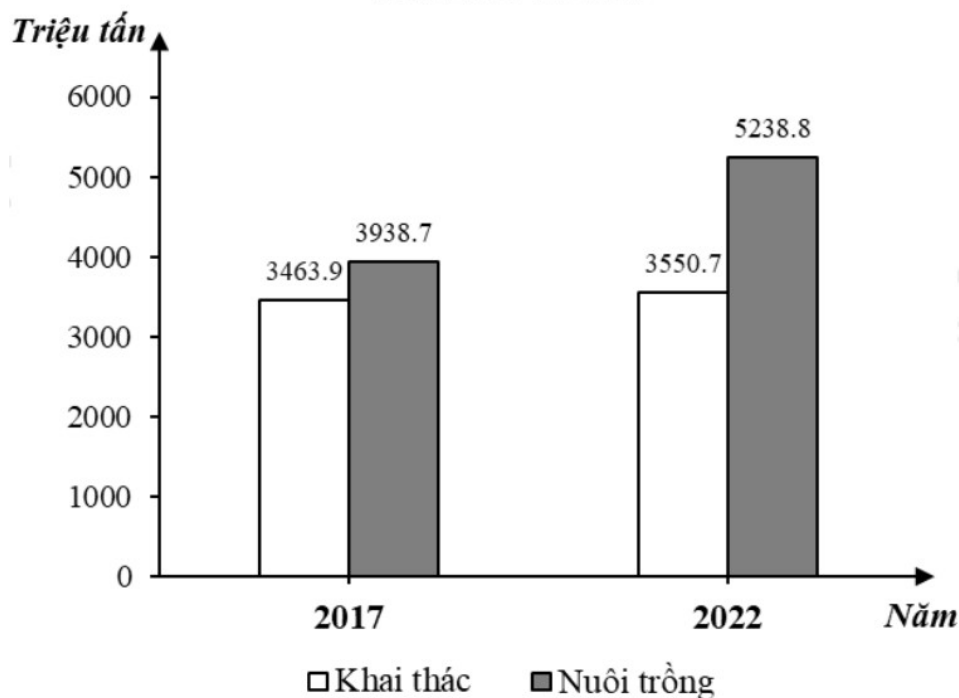
- A. Phát triển theo hướng số hoá, công nghệ mới.
B. Thương mại điện tử đang ngày càng phát triển.
C. Thu hút sự tham gia nhiều thành phần kinh tế.
D. Phân bố đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Câu 15: Nguyên nhân chính làm cho Tây Nguyên có mùa khô kéo dài là

- A. gió mùa Đông Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. gió phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 16: Cho biểu đồ sau:

**Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của nước ta,
năm 2017 và 2022**



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2022 so với năm 2017 của nước ta?

- A. Khai thác tăng chậm hơn nuôi trồng. B. Nuôi trồng tăng gần hai lần khai thác.
C. Nuôi trồng tăng ít hơn khai thác. D. Khai thác giảm, nuôi trồng tăng.

Câu 17: Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là

- A. chuyển dịch ngành thủy sản, tận dụng mặt nước và tăng thu nhập.
B. khai thác thế mạnh tự nhiên, giải quyết việc làm, tăng nguồn vốn.
C. tăng trưởng kinh tế, tạo hàng xuất khẩu, sử dụng hợp lý tài nguyên.
D. đẩy mạnh thâm canh, đáp ứng thị trường, tăng nguồn thu ngoại tệ.

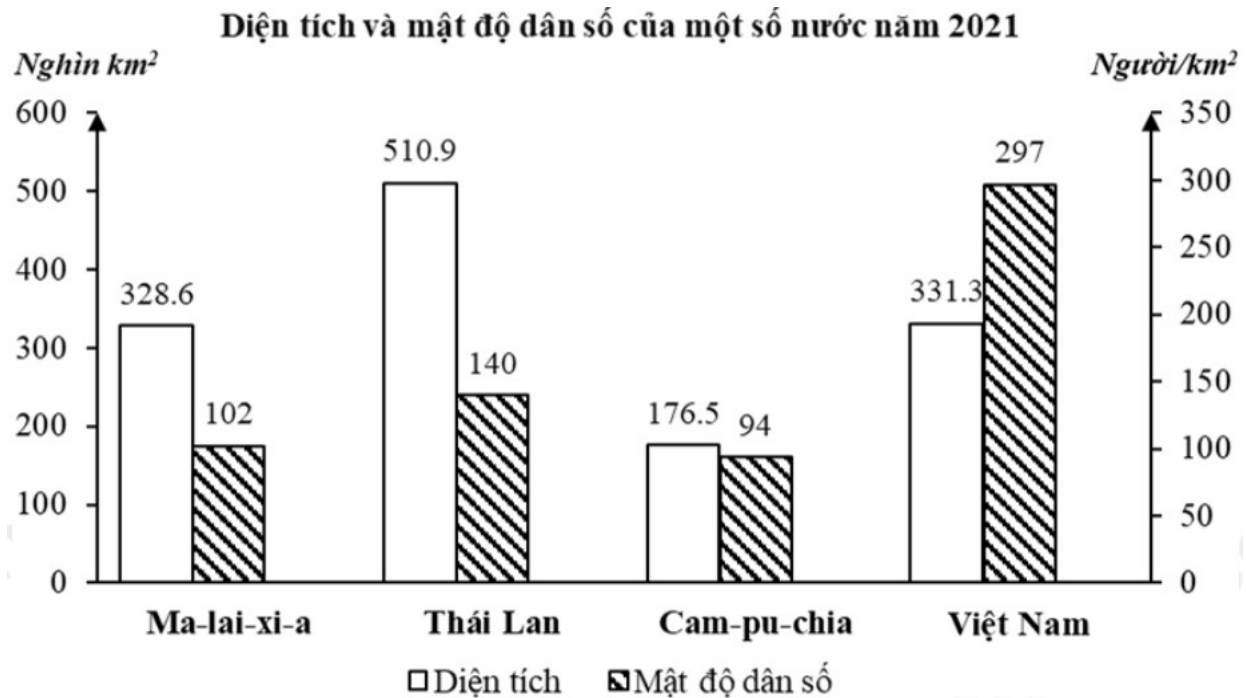
Câu 18: Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta suy giảm, nguyên nhân chủ yếu do tác động của

- A. vị trí địa lí, hướng sườn, tác động con người, khí hậu.
B. đất đai, phân hóa khí hậu, hướng địa hình, con người.
C. gió mùa hạ, con người, phân bậc địa hình, vị trí địa lí.
D. gió mùa Đông Bắc, vị trí địa lí, con người và địa hình.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c),

d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Việt Nam có mật độ dân số cao do quy mô dân số và diện tích tự nhiên lớn.
- b) Mật độ dân số và diện tích các quốc gia có sự khác biệt.
- c) Diện tích và dân số của Thái Lan đều cao hơn Việt Nam.
- d) Thái Lan có dân số cao gấp ba lần Cam-pu-chia.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng ở nước ta, có giá trị sản xuất tăng nhanh, phát triển với cơ cấu hợp lý theo hướng hiện đại. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

- a) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hiện nay là kết quả của việc chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc phòng.
- b) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ phù hợp với chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành và chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.
- c) Cơ cấu công nghiệp theo ngành có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng.
- d) Hiện nay khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Miền có địa hình cao nhất cả nước với nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m. Các dãy núi phần lớn có hướng tây bắc - đông nam. Miền có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn miền khác.

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Ở vùng núi cao phổ biến các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

- a) Miền có mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí địa lí và hướng các dãy núi.
- b) Cảnh quan thiên nhiên của miền chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, phổ biến là các loài nhiệt đới, ngoài ra còn có các loài thực vật phương Nam.
- c) Đầu mùa hạ, miền chịu tác động của gió phơn Tây Nam chủ yếu do gió hướng tây nam kết hợp với hướng của địa hình.
- d) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên, phân bố chủ yếu ở phía tây, có nhiều vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An; trong rừng có nhiều loại gỗ quý và nhiều lâm sản, chim, thú có giá trị;... Sự đa dạng tài nguyên rừng đã tạo thế mạnh lớn cho Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp với các hoạt động chủ yếu như: lâm sinh, bảo vệ rừng và khai thác rừng trồng,...

- a) Bắc Trung Bộ có một số vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ rừng và phát triển du lịch.
- b) Công tác trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ, tái sinh rừng được đẩy mạnh, do đó diện tích rừng tự nhiên tăng.
- c) Rừng phòng hộ ở Bắc Trung Bộ được trồng ở cả vùng núi phía tây và vùng ven biển phía đông.
- d) Diện tích rừng trồng ở Bắc Trung Bộ liên tục tăng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần điều hòa nguồn nước, ứng phó với lũ đột ngột trên các sông.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100 309,2 nghìn người, trong đó, dân số nam là 50 040,8 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ dân số nam trong tổng dân số nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm khí tượng Huế và Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7
Vinh	51,5	32,3	30,7	37,2	152,9	73,2	135,1	87,1	409,7	686,4	330,0	175,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Huế cao hơn so với sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Vinh là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng)

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2010 và 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2022
Sản lượng		
Khai thác	278 766	359 043
Nuôi trồng	85 776	149 732

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2011, 2023; Nxb Thống kê Việt Nam 2012, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản ở Đông Nam Bộ năm 2022 so với năm 2010 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, số thuê bao điện thoại của nước ta là 128 926,4 nghìn thuê bao, số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết số thuê bao điện thoại bình quân đầu người của nước ta năm 2022 là bao nhiêu thuê bao/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân). **6**

Câu 6: Năm 2022, Việt Nam có tổng trị giá xuất nhập khẩu là 731,5 tỉ USD, trong đó tỉ trọng trị giá xuất khẩu chiếm 50,8 %. Hãy cho biết trị giá nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1. C	2. B	3. B	4. B	5. B	6. A	7. A	8. C	9. C	10. D
11. D	12. D	13. B	14. D	15. D	16. A	17. C	18. D		

Câu 1: Thế mạnh chủ yếu để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là

- A. nhiều hệ thống sông và hồ lớn.
- B. diện tích đất ba-dan rộng khắp.
- C. khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm.
- D. địa hình tương đối bằng phẳng.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ.

Lưu ý: Sự phát triển nền nông nghiệp nào phụ thuộc hoàn toàn vào đặc điểm khí hậu của khu vực/quốc gia đó.

Cách giải:

Thế mạnh chủ yếu để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm.

Đây cũng là yếu tố quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Đáp án: C

Câu 2: Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là

- A. Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia. C. Lào. D. Thái Lan.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là Cam-pu-chia.

A, D sai vì nước ta có chung vùng biển với Ma-lai-xi-a và Thái Lan nhưng không có chung đường biên giới trên đất liền với hai quốc gia này.

C sai vì Lào không có biển, nước ta chỉ có chung đường biên giới trên đất liền với quốc gia này.

Đáp án: B

Câu 3: Vùng Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nên có giá trị chủ yếu về

- A. chăn nuôi gia súc, cung cấp phù sa, nghề cá. B. giao thông vận tải, thủy lợi, cung cấp phù sa.
C. phát triển thủy điện, bồi đắp phù sa, thủy lợi. D. trồng cây lâu năm, nhiệt điện, chăn nuôi lợn.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Vùng Đồng bằng sông Hồng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nên có giá trị chủ yếu về giao thông vận tải, thủy lợi, cung cấp phù sa.

A, C, D sai vì mạng lưới sông ngòi dày đặc không phải là điều kiện thuận lợi chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện, thủy lợi, trồng cây công nghiệp lâu năm, nhiệt điện, chăn nuôi lợn. **8**

Đáp án: B

Câu 4: Dân số nước ta hiện nay

- A. cơ cấu ít thay đổi, phân bố rất hợp lí. B. đang tăng, cơ cấu theo tuổi thay đổi.
C. tăng nhanh, có ít thành phần dân tộc. D. phân bố rất đồng đều, quy mô còn ít.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm dân số.

Cách giải:

Dân số nước ta hiện nay đang tăng, cơ cấu theo tuổi thay đổi.

A sai vì cơ cấu dân số của nước ta luôn thay đổi theo thời gian, phân bố dân số không đều.

C sai vì dân số nước ta đang có xu hướng tăng chậm lại, có tới 54 dân tộc (có nhiều thành phần dân tộc).

D sai vì dân cư nước ta phân bố không đều, quy mô dân số lớn (năm 2021, dân số nước ta đạt 98,5 triệu người).

Đáp án: B

Câu 5: Đặc điểm đô thị hoá nước ta hiện nay là

- | | |
|--|---|
| A. lối sống đô thị ngày càng ít phổ biến. | B. tỉ lệ dân số thành thị ngày càng tăng. |
| C. số dân đô thị cao và ít có sự thay đổi. | D. không gian đô thị không có mở rộng. |

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hoá nước ta.

Cách giải:

Đặc điểm đô thị hoá nước ta hiện nay là tỉ lệ dân số thành thị ngày càng tăng. Tỉ lệ dân thành thị của nước ta tăng liên tục từ 18,3% (năm 1970) lên 37,1 (năm 2021).

Đáp án: B

Câu 6: Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay là

- | | | | |
|------------|---------------|---------|---------|
| A. cà phê. | B. đậu tương. | C. lạc. | D. mía. |
|------------|---------------|---------|---------|

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào hiện trạng phát triển và phân bố nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay là cà phê.

B, C, D sai vì đây là các loại cây thuộc nhóm cây công nghiệp hàng năm.

Đáp án: A

Câu 7: Thuận lợi để xây dựng cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- | | |
|--|--|
| A. bờ biển dài, có các vịnh nước sâu. | B. bờ biển dài, nhiều đảo lớn gần bờ. |
| C. độ mặn nước biển cao, có các đảo. | D. có quần đảo và nhiều bãi biển đẹp. |

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ

Cách giải:

Thuận lợi để xây dựng cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.

- Bờ biển dài: tạo điều kiện để quy hoạch và xây dựng nhiều cảng biển khác nhau, phục vụ cho các mục đích khác nhau và phân bố dọc theo vùng.
- Các vịnh nước sâu: Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng. Vịnh nước sâu tự nhiên sẽ giảm thiểu chi phí và công sức nạo vét luồng lạch cho tàu lớn ra vào. Các cảng nước sâu có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lớn, tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa và giao thương quốc tế.⁹

Đáp án: A

Câu 8: Du lịch đô thị là sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- | | |
|--|-------------------------|
| A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. | B. Tây Nguyên. |
| C. Đông Nam Bộ. | D. Bắc Trung Bộ. |

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phân hoá ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

Du lịch đô thị là sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Đông Nam Bộ.

Đáp án: C

Câu 9: Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- | | |
|---|--|
| A. có vùng đồi thấp rộng, đất phù sa cổ. | B. giống cây tốt, nguồn nước mặt nhiều. |
|---|--|

C. đất fe-ra-lit, khí hậu mùa đông lạnh.

D. nhiều đất fe-ra-lit và các cao nguyên.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Lưu ý: yếu tố khí hậu quyết định đến sự phát triển cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt/nhiệt đới/ôn đới.

Cách giải:

Thế mạnh tự nhiên đối với phát triển các cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là đất fe-ra-lit, khí hậu mùa đông lạnh.

- Đất fe-ra-lit: đặc trưng là có tầng phong hóa dày, giữ ẩm và thoát nước tốt. Mặc dù không quá màu mỡ như đất phù sa, nhưng đất fe-ra-lit vẫn đủ dinh dưỡng để phát triển nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các cây công nghiệp và cây ăn quả có nguồn gốc cận nhiệt đới.

- Khí hậu mùa đông lạnh: Đây là yếu tố then chốt tạo nên sự khác biệt và lợi thế cho vùng này. Mùa đông lạnh, có sương muối ở nhiều nơi, giúp các cây cận nhiệt đới như chè, các loại cây ăn quả ôn đới (mận, đào, lê...), và một số loại rau màu phát triển tốt.

Đáp án: C

Câu 10: Nhà máy nhiệt điện của nước ta hiện nay là

2 A. Sơn La.

B. Hoà Bình.

C. Lai Châu.

D. Phú Mỹ.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Nhà máy nhiệt điện của nước ta hiện nay là Phú Mỹ.

Sơn La, Hoà Bình, Lai Châu là nhà máy thuỷ điện.

Đáp án: D

Câu 11: Quá trình xói mòn đất ở nước ta thường xảy ra ở

A. ven biển.

B. đồng bằng.

C. cửa sông.

D. miền núi.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống (Chuyên đề Địa lí 12).

Cách giải:

Quá trình xói mòn đất ở nước ta thường xảy ra ở miền núi do miền núi có độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật.

Đáp án: D

Câu 12: Cảng hàng không quốc tế hiện nay ở nước ta là

- A. Pleiku. B. Chu Lai. C. Phù Cát. D. Nội Bài.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải (loại hình đường hàng không).

Cách giải:

Cảng hàng không quốc tế hiện nay ở nước ta là Nội Bài.

Cảng hàng không Pleiku, Chu Lai, Phù Cát là các cảng hàng không nội địa.

Đáp án: D

Câu 13: Nhân tố chủ yếu nào sau đây tạo điều kiện đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

- A. Từ tây sang đông có đồi núi, đồng bằng, biển đảo liền nhau.
B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa.
C. Khu vực đồi núi rộng ở phía tây với đất fe-ra-lit khá màu mỡ.
D. Đất fe-ra-lit phân bố rộng, nguồn lợi sinh vật biển phong phú.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Lưu ý: việc đa dạng hoá nông nghiệp phụ thuộc chặt chẽ vào đặc điểm khí hậu.

Cách giải:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và phân hóa là nhân tố chủ yếu tạo điều kiện đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

- Khí hậu phân hóa: Điều này tạo ra sự phân hóa rõ rệt về nhiệt độ và lượng mưa giữa các mùa và giữa các tiểu vùng (ven biển, đồng bằng, trung du, miền núi), giữa phía bắc và phía nam. Chính sự phân hóa này cho phép vùng trồng được nhiều loại cây trồng khác nhau, từ các cây nhiệt đới (lúa, mía, lạc...) đến các cây cận nhiệt đới và ưa lạnh (rau màu vụ đông, một số cây ăn quả...).
- Mùa đông lạnh: tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng các loại cây vụ đông có giá trị kinh tế cao, giúp đa dạng hóa cơ cấu cây trồng và tăng thu nhập cho người dân.

Đáp án: B

Câu 14: Nhận định nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Phát triển theo hướng số hoá, công nghệ mới.
- B. Thương mại điện tử đang ngày càng phát triển.
- C. Thu hút sự tham gia nhiều thành phần kinh tế.
- D. Phân bố đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta (phần ngành nội thương).

Cách giải:

Phân bố đồng đều giữa các vùng trong cả nước là nhận định không đúng về hoạt động nội thương của nước ta. Những nơi có dân cư đông, chất lượng sống cao như đồng bằng và ven biển sẽ có hoạt động nội thương phát triển hơn và ngược lại.

Đáp án: D

Câu 15: Nguyên nhân chính làm cho Tây Nguyên có mùa khô kéo dài là

- A. gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Nam.
- C. gió phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:

Nguyên nhân chính làm cho Tây Nguyên có mùa khô kéo dài (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là gió Tín phong bán cầu Bắc.

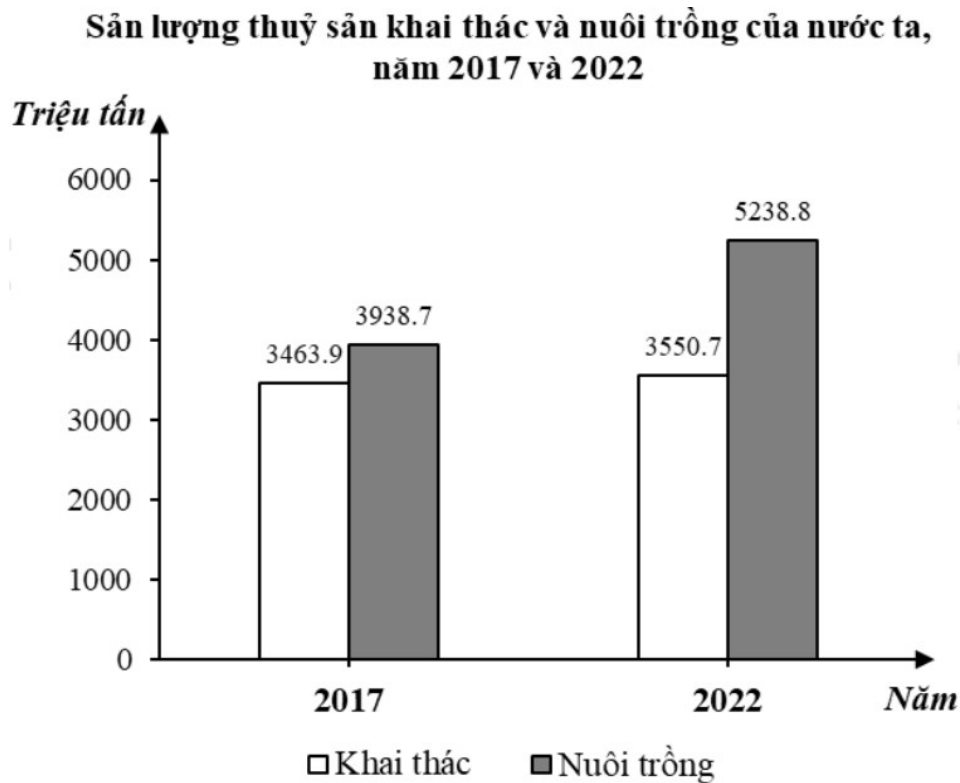
A sai vì Tây Nguyên thuộc vùng phía nam nước ta nên từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau gần như không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc.

B sai vì gió Tín phong bán cầu Nam chính là gió mùa Tây Nam hoạt động vào giữa và cuối mùa hạ, gây mưa lớn cho cả nước.

C sai vì gió phơn Tây Nam chỉ ảnh hưởng tới vùng ven biển Trung Bộ và phía nam khu vực Tây Bắc.

Đáp án: D

Câu 16: Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2022 so với năm 2017 của nước ta?

- A. Khai thác tăng chậm hơn nuôi trồng.
- B. Nuôi trồng tăng gần hai lần khai thác.
- C. Nuôi trồng tăng ít hơn khai thác.
- D. Khai thác giảm, nuôi trồng tăng.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng năm 2017 và 2022. Lựa chọn nhận xét đúng.

Lưu ý: tăng nhanh/chậm dùng phép chia; tăng nhiều/ít dùng phép trừ.

Cách giải:

Dựa vào biểu đồ trên ta thấy giai đoạn 2017 - 2022:

- Sản lượng khai thác tăng 86,8 triệu tấn; tăng 1,03 lần.
- Sản lượng nuôi trồng tăng 1300,1 triệu tấn; tăng 1,33 lần.

=> Khai thác tăng chậm hơn nuôi trồng là nhận xét đúng.

Đáp án: A

Câu 17: Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là

- A. chuyển dịch ngành thủy sản, tận dụng mặt nước và tăng thu nhập.
- B. khai thác thế mạnh tự nhiên, giải quyết việc làm, tăng nguồn vốn.
- C. tăng trưởng kinh tế, tạo hàng xuất khẩu, sử dụng hợp lí tài nguyên.
- D. đẩy mạnh thâm canh, đáp ứng thị trường, tăng nguồn thu ngoại tệ.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm Đồng bằng sông Cửu Long.

Lưu ý: một trong những mục đích quan trọng nhất của việc phát triển các ngành là đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là tăng trưởng kinh tế, tạo hàng xuất khẩu, sử dụng hợp lí tài nguyên.

- Tăng trưởng kinh tế: Phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của vùng và cả nước.
- Tạo hàng xuất khẩu: Ngành nuôi trồng thủy sản chủ động sản xuất các sản phẩm thủy sản có chất lượng cao và số lượng lớn, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho vùng và cả nước.
- Sử dụng hợp lí tài nguyên: Tận dụng hiệu quả tiềm năng về mặt nước, khí hậu và nguồn lao động của vùng để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá.

Đáp án: C

Câu 18: Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta suy giảm, nguyên nhân chủ yếu do tác động của

- A. vị trí địa lí, hướng sườn, tác động con người, khí hậu.
- B. đất đai, phân hóa khí hậu, hướng địa hình, con người.
- C. gió mùa hạ, con người, phân bậc địa hình, vị trí địa lí.
- D. gió mùa Đông Bắc, vị trí địa lí, con người và địa hình.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nguyên nhân gây suy giảm tính nhiệt đới của sinh vật nước ta kết hợp với đặc điểm khí hậu, vị trí địa lí,...

Cách giải:

Tính nhiệt đới của sinh vật nước ta suy giảm, nguyên nhân chủ yếu do tác động của gió mùa Đông Bắc, vị trí địa lí, con người và địa hình.

- Gió mùa Đông Bắc: Đây là yếu tố quan trọng nhất. Gió mùa Đông Bắc mang theo không khí lạnh từ lục địa châu Á xuống, làm giảm nhiệt độ đáng kể ở miền Bắc và một phần miền Trung nước ta trong mùa đông. Điều này tạo ra sự phân hóa rõ rệt về nhiệt độ giữa miền Bắc và miền Nam, làm cho tính nhiệt đới của sinh vật ở miền Bắc suy giảm hơn so với miền Nam.

- Vị trí địa lí: Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ độ, trải dài khoảng 15 vĩ tuyến. Sự khác biệt về vĩ độ dẫn đến sự khác biệt về lượng bức xạ mặt trời nhận được, ảnh hưởng đến nhiệt độ và các yếu tố khí hậu khác, từ đó tác động đến tính nhiệt đới của sinh vật. Các vùng ở vĩ độ cao hơn (miền Bắc) có tính nhiệt đới suy giảm hơn so với các vùng ở vĩ độ thấp hơn (miền Nam).

- Con người: Các hoạt động của con người như phá rừng, khai thác tài nguyên quá mức, gây ô nhiễm môi trường đã làm thay đổi môi trường sống tự nhiên của nhiều loài sinh vật, làm suy giảm tính đa dạng sinh học và ảnh hưởng đến tính nhiệt đới của hệ sinh thái.

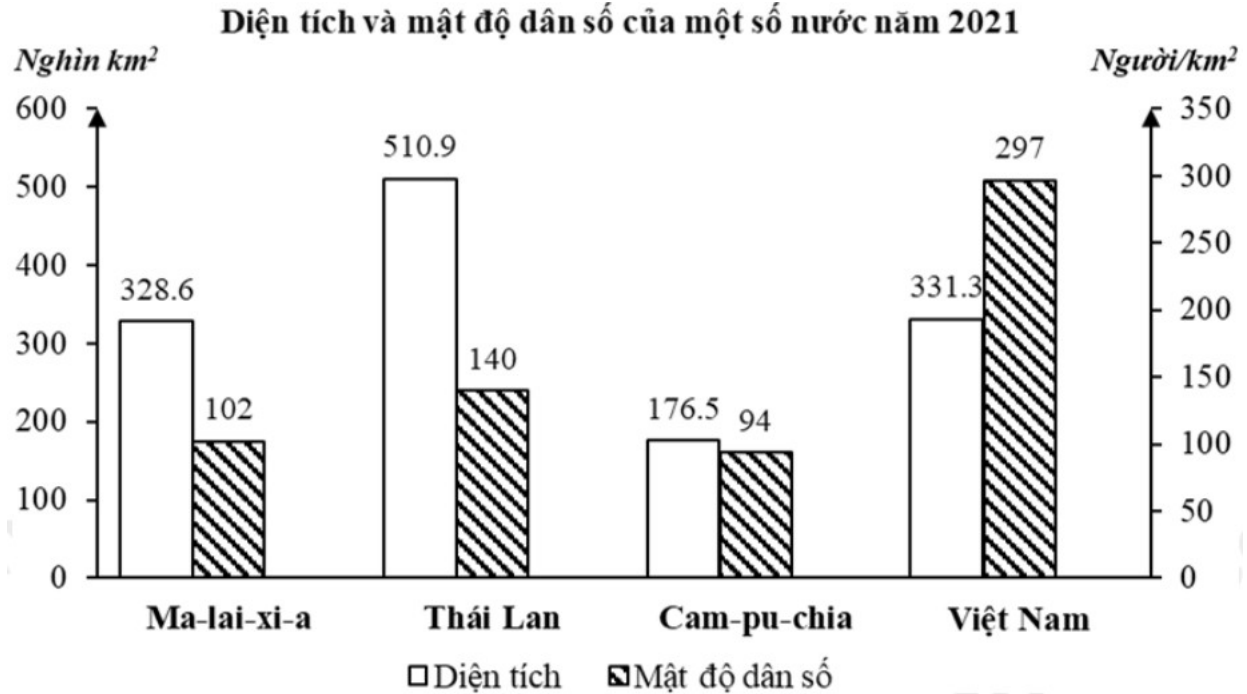
- Địa hình: Sự phân hóa địa hình theo độ cao tạo ra các đai khí hậu khác nhau. Ở các vùng núi cao, nhiệt độ thấp hơn so với vùng đồng bằng, dẫn đến sự xuất hiện của các loài sinh vật không hoàn toàn mang tính nhiệt đới (xuất hiện các loài cận nhiệt và ôn đới). Hướng sườn núi cũng ảnh hưởng đến lượng ánh sáng và nhiệt độ nhận được, tác động đến sự phân bố của sinh vật.

Đáp án: D

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐSS	SĐSD	ĐĐĐS	ĐSĐĐ

Câu 1: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê 2024)

- a) Việt Nam có mật độ dân số cao do quy mô dân số và diện tích tự nhiên lớn.
- b) Mật độ dân số và diện tích các quốc gia có sự khác biệt.
- c) Diện tích và dân số của Thái Lan đều cao hơn Việt Nam.
- d) Thái Lan có dân số cao gấp ba lần Cam-pu-chia.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và các công thức:

Mật độ dân số = Số dân / Diện tích

=> Số dân = Mật độ dân số * Diện tích

Cách giải:

a) Sai. Do: Mật độ dân số = Số dân / Diện tích

=> Việt Nam có mật độ dân số cao do quy mô dân số lớn.

b) Đúng. Mật độ dân số và diện tích của các quốc gia khác nhau.

c) Sai.

- Dân số của Thái Lan là: $140 \times 510900 = 71526000$ người

- Dân số của Việt Nam là: $297 \times 331300 = 98396100$ người

=> Dân số của Việt Nam cao hơn Thái Lan.

d) Sai.

- Dân số của Cam-pu-chia là: $94 \times 176500 = 16591000$ người

=> So với Cam-pu-chia, Thái Lan có dân số cao gấp: $71526000/16591000 = 4,3$ lần

Đáp án: S, Đ, S, S

Câu 2: Cho thông tin sau:

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng ở nước ta, có giá trị sản xuất tăng nhanh, phát triển với cơ cấu hợp lý theo hướng hiện đại. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ.

a) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hiện nay là kết quả của việc chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc phòng.

b) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ phù hợp với chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành và chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.

c) Cơ cấu công nghiệp theo ngành có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng.

d) Hiện nay khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta.

Cách giải:

a) Sai. Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hiện nay là kết quả của định hướng phát triển kinh tế - xã hội (ưu tiên các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế); quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tiến bộ khoa học và công nghệ,...

b) Đúng. Sự phân bố các ngành công nghiệp trên lãnh thổ thường được quy hoạch dựa trên tiềm năng của từng vùng (vị trí địa lý, tài nguyên, lao động, thị trường) và phù hợp với định hướng phát

triển của từng ngành cũng như chính sách phát triển công nghiệp chung của quốc gia. Ví dụ, các ngành khai thác khoáng sản thường tập trung ở những vùng có trữ lượng lớn, trong khi các ngành chế biến, sản xuất hàng hóa có thể phân bố ở các khu vực gần thị trường tiêu thụ hoặc có cơ sở hạ tầng phát triển.

c) Sai. Xu hướng chung trong cơ cấu công nghiệp của nước ta hiện nay là **giảm** tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng và **tăng** tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn.

d) Đúng. Năm 2021, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 59,1% trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế.

Đáp án: S, Đ, S, Đ

Câu 3: Cho thông tin sau:

Miền có địa hình cao nhất cả nước với nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m. Các dãy núi phần lớn có hướng tây bắc - đông nam. Miền có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn miền khác.

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Ở vùng núi cao phổ biến các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.

a) Miền có mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn chủ yếu do ảnh hưởng của vị trí địa lý và hướng các dãy núi.

b) Cảnh quan thiên nhiên của miền chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, phổ biến là các loài nhiệt đới, ngoài ra còn có các loài thực vật phương Nam.

c) Đầu mùa hạ, miền chịu tác động của gió phơn Tây Nam chủ yếu do gió hướng tây nam kết hợp với hướng của địa hình.

d) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên kết hợp với nội dung biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Cách giải:14

a) Đúng. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn ở miền này do chịu ảnh hưởng lớn từ vị trí địa lý nằm ở vĩ phía tây vùng Đông Bắc (nơi đón gió mùa Đông Bắc đầu tiên ở nước ta), khiến miền ít chịu tác động trực tiếp và kéo dài của gió mùa Đông Bắc. Hướng tây bắc - đông nam của các dãy

núi, đặc biệt là dãy Hoàng Liên Sơn đóng vai trò như một bức tường chắn, làm suy yếu gió mùa Đông Bắc, góp phần làm cho mùa đông ngắn hơn.

b) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa”, ngoài ra còn có các loài thực vật phương Nam.

c) Đúng. Đầu mùa hạ, gió tây nam thổi vào miền này, khi vượt qua dãy Trường Sơn (chạy theo hướng tây bắc – đông nam), gió bị biến tính và gây ra hiện tượng khô, nóng (còn gọi là gió phơn Tây Nam hay gió Lào) cho vùng ven biển miền Trung và phần phía nam của Tây Bắc.

d) Sai. Với các đặc điểm: địa hình cao nhất cả nước, các dãy núi phần lớn có hướng tây bắc - đông nam, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn miền khác => Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Đáp án: Đ, Đ, Đ, S

Câu 4: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn, trong đó chủ yếu là rừng tự nhiên, phân bố chủ yếu ở phía tây, có nhiều vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An; trong rừng có nhiều loại gỗ quý và nhiều lâm sản, chim, thú có giá trị;... Sự đa dạng tài nguyên rừng đã tạo thế mạnh lớn cho Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp với các hoạt động chủ yếu như: lâm sinh, bảo vệ rừng và khai thác rừng trồng,...

a) Bắc Trung Bộ có một số vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ rừng và phát triển du lịch.

b) Công tác trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ, tái sinh rừng được đẩy mạnh, do đó diện tích rừng tự nhiên tăng.

c) Rừng phòng hộ ở Bắc Trung Bộ được trồng ở cả vùng núi phía tây và vùng ven biển phía đông.

d) Diện tích rừng trồng ở Bắc Trung Bộ liên tục tăng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần điều hòa nguồn nước, ứng phó với lũ đột ngột trên các sông.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung một số đặc điểm nổi bật về ngành lâm nghiệp Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “...có nhiều vườn quốc gia, Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An”.

Các vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển không chỉ có chức năng bảo vệ đa dạng sinh học mà

còn có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái, thu hút du khách khám phá vẻ đẹp tự nhiên.

b) Sai. Mặc dù công tác trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ và tái sinh rừng được đẩy mạnh là rất quan trọng cho sự phát triển bền vững của tài nguyên rừng, nhưng điều này chủ yếu làm tăng diện tích rừng trồng và phục hồi rừng tự nhiên bị suy thoái. Diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh thường khó có khả năng tăng lên đáng kể do nhiều yếu tố như áp lực khai thác, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các tác động từ môi trường.

c) Đúng. Ở vùng núi phía tây, rừng phòng hộ giúp hạn chế xói mòn đất, bảo vệ nguồn nước và ngăn ngừa lũ quét. Ở vùng ven biển phía đông, rừng phòng hộ (đặc biệt là rừng ngập mặn và rừng chắn cát) có vai trò chắn gió bão, chống cát bay, xâm nhập mặn và bảo vệ đê điều => Rừng phòng hộ ở Bắc Trung Bộ được trồng ở cả vùng núi phía tây và vùng ven biển phía đông.

d) Đúng. Đây là xu hướng thực tế. Rừng trồng được đẩy mạnh, góp phần tăng độ che phủ, hiệu quả kinh tế (qua khai thác gỗ, lâm sản), và bảo vệ môi trường, điều tiết nước và giảm thiểu thiên tai.

Đáp án: D, S, D, D

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	49,9	955	13,3	5,9	1,3	360

Câu 1: Năm 2023, tổng dân số nước ta là 100 309,2 nghìn người, trong đó, dân số nam là 50 040,8 nghìn người. Hãy cho biết tỉ lệ dân số nam trong tổng dân số nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ lệ dân số nam trong tổng dân số nước ta năm 2023 là:

$(50\,040,8/100\,309,2)*100 = 49,9\%$

Đáp án: 49,9

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm khí tượng Huế và Vinh

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Huế	296,5	234,2	2,3	44,6	142,5	92,3	10,6	41,8	681,7	1613,3	1005,5	785,7
Vinh	51,5	32,3	30,7	37,2	152,9	73,2	135,1	87,1	409,7	686,4	330,0	175,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023, sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Huế cao hơn so với sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Vinh là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2 (TH):**Phương pháp:**

Lấy lượng mưa tháng cao nhất trừ lượng mưa tháng thấp nhất.

Cách giải:

Năm 2023, sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Huế cao hơn so với sự chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất với tháng thấp nhất của Vinh là:

$$(1613,3 - 2,3) - (686,4 - 30,7) = 955 \text{ mm}$$

Đáp án: 955**Câu 3:** Cho bảng số liệu:**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng)**

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3 (TH):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt độ không khí năm 2023 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là:

$$31,5 - 18,2 = 13,3^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 13,3

Câu 4: Cho bảng số liệu:**Sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2010 và 2022**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2022
Sản lượng		
Khai thác	278 766	359 043
Nuôi trồng	85 776	149 732

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2011, 2023; Nxb Thống kê Việt Nam 2012, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản ở Đông Nam Bộ năm 2022 so với năm 2010 tăng bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

- Tổng sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2010 là: $278\,766 + 85\,776 = 364\,542$ nghìn tấn

- Tổng sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2022 là: $359\,043 + 149\,732 = 508\,775$ nghìn tấn

=> Tỷ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản ở Đông Nam Bộ năm 2022 so với năm 2010 tăng:

$$[(149\,732/508\,775)*100] - [(85\,776/364\,542)*100] = 5,9\%$$

Đáp án: 5,9

Câu 5: Năm 2022, số thuê bao điện thoại của nước ta là 128 926,4 nghìn thuê bao, số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết số thuê bao điện thoại bình quân đầu người của nước ta năm 2022 là bao nhiêu thuê bao/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).**6**

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Số thuê bao điện thoại bình quân đầu người = Số thuê bao điện thoại/Số dân

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 99,5 triệu người = 99 500 nghìn người

Số thuê bao điện thoại bình quân đầu người của nước ta năm 2022 là: $128\,926,4/99\,500 = 1,3$ thuê bao/người

Đáp án: 1,3

Câu 6: Năm 2022, Việt Nam có tổng trị giá xuất nhập khẩu là 731,5 tỉ USD, trong đó tỉ trọng trị giá xuất khẩu chiếm 50,8 %. Hãy cho biết trị giá nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính tỉ trọng trị giá nhập khẩu.

Sau đó dựa vào công thức tính:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần * Tổng giá trị)/100

Cách giải:

Tỉ trọng trị giá nhập khẩu là: $100 - 50,8 = 49,2\%$

Trị giá nhập khẩu của nước ta năm 2022 là: $(49,2*731,5)/100 = 360$ tỉ USD

Đáp án: 360

----- HẾT -----